

Số/No.: 210 /CV-KTTC

An Giang, ngày 22 tháng 04 năm 2026
An Giang, dated April 22, 2026

Trích yếu: “Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế
Công ty mẹ Quý I năm 2026 so với cùng kỳ năm trước/
Ref: “Explanation of the difference in net profit in the separate
financial statements for Q1 2026 compared to the same period last year”

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh Stock Exchange

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ Quý I/2026 như sau/ *Nam Viet Corporation (Stock symbol: ANV) explains the difference in net profit in the separate financial statements for Q1/2026 as follows:*

- Lợi nhuận sau thuế Quý I/2026 lãi 183 tỷ đồng, tăng khoảng 125 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước/ *Net profit for Q1/2026 is 183 billion VND, an increased by approximately VND 125 billion compared to the same period last year:*
- Doanh thu thuần đạt 1.776 tỷ đồng, tăng 654 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do sản lượng tăng/ *Net revenue reached VND 1.776 billion, an increase by VND 654 billion compared to the same period last year due to an increase in sales volume.*
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 18 tỷ đồng, chủ yếu đến từ lãi tiền gửi ngân hàng tăng cao so với cùng kỳ năm trước/ *Financial income increase by VND 18 billion, mainly due to a significant increase in interest income from term deposits compared to the same period last year.*
- Chi phí bán hàng tăng 15,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước/ *Selling expenses increased by VND 15,7 billion compared to the same period last year.*

Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết/ *We hereby explain to you and our valued shareholders.*

Trân trọng kính chào/ *Yours faithfully,*

Nơi nhận/To:

- Như trên/As above
- Ban TGD/ The BoM
- Lưu VT/To be filed

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
SIGNED FOR GENERAL DIRECTOR



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Toràn Minh Cảnh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026
(Chưa hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.431.726.509.336	3.273.773.558.696
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.138.469.593	28.900.495.029
1. Tiền	111		18.488.469.593	28.900.495.029
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.650.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		579.268.637.526	601.949.949.866
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	579.268.637.526	601.949.949.866
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.503.341.523.672	1.498.132.748.410
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.138.785.131.450	1.020.894.117.224
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	327.798.400.755	485.200.184.479
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	73.127.871.648	28.408.326.888
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.6	(36.369.880.181)	(36.369.880.181)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	1.162.338.162.208	967.263.261.656
1. Hàng tồn kho	141		1.178.420.357.002	983.345.456.450
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(16.082.194.794)	(16.082.194.794)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		26.586.571.110	59.221.019.569
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151	V.13	26.586.571.110	59.221.019.569
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		134.053.145.227	118.306.084.166
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	21.251.489.756	20.743.296.759
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		101.105.724.932	85.901.686.268
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.9	11.695.930.539	11.661.101.139
B – TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.968.988.099.103	1.965.705.472.922
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.745.435.000	6.745.435.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	6.745.435.000	6.745.435.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		539.822.861.437	537.268.537.918
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	142.215.462.687	128.738.332.235
- Nguyên giá	222		602.084.224.579	570.857.568.374
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(459.868.761.892)	(442.119.236.139)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	65.127.875.084	74.613.591.251
- Nguyên giá	225		87.926.982.840	103.778.136.171
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(22.799.107.756)	(29.164.544.920)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	332.479.523.666	333.916.614.432
- Nguyên giá	228		375.235.022.868	375.235.022.868
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(42.755.499.202)	(41.318.408.436)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		346.314.491.979	347.042.232.713
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.14	346.314.491.979	347.042.232.713
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		1.034.601.470.338	1.034.773.128.304
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	966.000.000.000	967.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	69.240.000.000	69.240.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2b	20.304.000.000	20.304.000.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264	V.2b	(20.942.529.662)	(22.270.871.696)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		41.503.840.349	39.876.138.987
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	41.503.840.349	39.876.138.987
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		5.400.714.608.439	5.239.479.031.618
C – NỢ PHẢI TRẢ	300		1.910.123.881.537	1.931.894.691.539
I. Nợ ngắn hạn	310		1.878.673.148.512	1.900.443.958.514
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	230.873.714.215	211.978.013.770
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	21.892.487.333	27.071.908.042
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.17	2.262.332.899	2.300.332.899
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.18	33.802.958.717	106.685.857.007
5. Phải trả người lao động	315	V.19	33.076.394.076	47.379.246.281
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.20	12.590.924.407	20.906.463.887
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		1.283.259.114	1.678.118.897
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.21	10.409.518.490	9.892.806.493
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.22a	1.532.231.822.283	1.472.244.474.260
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	249.736.978	306.736.978
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		31.450.733.025	31.450.733.025
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.22b	31.450.733.025	31.450.733.025
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-
D – VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.24	3.490.590.726.902	3.307.584.340.079
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.666.675.000.000	2.666.675.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.666.675.000.000	2.666.675.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		21.489.209.100	21.489.209.100
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		(27.587.629.848)	(27.587.629.848)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		830.014.147.650	647.007.760.827
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		647.007.760.827	647.007.760.827
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		183.006.386.823	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.400.714.608.439	5.239.479.031.618

Phê duyệt, ngày 22 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Hoàng Thế Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Nguyễn Hà Thu Diễm

K.T. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC




Trần Minh Cảnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

(Chưa hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2026		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.779.322.068.888	1.125.165.771.160	1.779.322.068.888	1.125.165.771.160
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.644.746.861	2.736.157.585	2.644.746.861	2.736.157.585
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.776.677.322.027	1.122.429.613.575	1.776.677.322.027	1.122.429.613.575
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.491.967.095.322	1.002.781.497.018	1.491.967.095.322	1.002.781.497.018
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		284.710.226.705	119.648.116.557	284.710.226.705	119.648.116.557
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	25.160.600.162	6.618.120.449	25.160.600.162	6.618.120.449
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	20.011.644.005	13.199.975.998	20.011.644.005	13.199.975.998
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		16.147.663.832	11.906.461.536	16.147.663.832	11.906.461.536
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	57.903.848.947	42.172.104.311	57.903.848.947	42.172.104.311
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	14.972.389.478	13.581.852.579	14.972.389.478	13.581.852.579
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (23 + 25 + 26)}	30		216.982.944.437	57.312.304.118	216.982.944.437	57.312.304.118
12. Thu nhập khác	31	VI.8	681.453.723	738.529.167	681.453.723	738.529.167
13. Chi phí khác	32	VI.9	19.380.791	14.237.345	19.380.791	14.237.345
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		662.072.932	724.291.822	662.072.932	724.291.822
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		217.645.017.369	58.036.595.940	217.645.017.369	58.036.595.940
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.18	34.638.630.546	-	34.638.630.546	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		183.006.386.823	58.036.595.940	183.006.386.823	58.036.595.940
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70				-	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71				-	-

Phê duyệt, ngày 22 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Hoàng Thế Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Hà Thu Diễm

KT. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC



Trần Minh Cảnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026
(Chưa hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		1.636.407.790.724	1.008.350.070.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(1.457.692.007.799)	(945.184.641.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(114.934.823.167)	(98.332.159.932)
4. Chi phí đi vay đã trả	4		(18.758.173.229)	(12.600.145.216)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(107.212.341.156)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		36.250.372.765	12.057.134.672
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(51.006.959.708)	(29.892.818.048)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(76.946.141.570)	(65.602.559.524)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.458.963.286)	(26.578.197.556)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		30.580.000	8.575.614.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(83.764.829.400)	(489.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		106.386.002.849	51.900.820
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		170.604.106	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.582.510.525	3.193.907.491
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.945.904.794	(15.245.775.245)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.055.471.612.685	688.009.910.094
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(989.712.918.392)	(746.067.759.975)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(5.619.579.951)	(8.343.234.709)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(36.100.000)	(17.147.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		60.103.014.342	(66.418.232.090)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(3.897.222.434)	(147.266.566.859)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	40.561.596.168	178.210.567.959
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.135.196.998	(157.259.904)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	26.138.469.593	30.786.741.196

Phê duyệt, ngày 22 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KT. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Thế Anh

Nguyễn Hà Thu-Điểm

Trần Minh Cảnh

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026 (Chưa hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản; Sản xuất điện năng mặt trời; Xây dựng công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	Lô A4 KCN Thốt Nốt, Phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thức Ăn Thủy Sản Nam Việt	Lô A4, KCN Thốt Nốt, P. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	100%	100%	100%

Công ty liên doanh

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất Collagen, Gelatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50%, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Công ty có 3 đơn vị trực thuộc là nhà máy sản xuất tại địa chỉ Lô A4 Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ như sau:

1. Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Đại Tây Dương N.V – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt.
2. Nhà máy Dầu cá Bột cá Ấn Độ Dương – Chi nhánh Công ty Cổ Phần Nam Việt
3. Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Ấn Độ Dương - Chi nhánh Công ty Cổ Phần Nam Việt

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính và được trình bày vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/- 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định, không bị hạn chế sử dụng và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh. Nếu công ty con, công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa. Các chi phí chờ phân bổ này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất chờ phân bổ thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất chờ phân bổ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản cố định

Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 18

Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc và thiết bị thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 05 năm.

9. Kế toán tài sản sinh học

Tài sản sinh học của công ty chỉ bao gồm súc vật nuôi lấy thịt, sản phẩm một lần: cá thịt.

Toàn bộ chi phí mua, chăm sóc, nuôi dưỡng,... phát sinh liên quan trực tiếp đến các tài sản này được hạch toán vào giá gốc của tài sản sinh học.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán: Trường hợp có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy các tài sản này bị tổn thất hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá trị ghi sổ của tài sản sinh học thì doanh nghiệp phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản sinh học.

Trường hợp súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần có thời gian dự kiến thu hoạch từ 12 tháng trở xuống hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán thì các tài sản sinh học này được trình bày là tài sản ngắn hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của doanh nghiệp. Đối với súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần còn lại được trình bày là tài sản dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của doanh nghiệp.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản phải trả người bán và ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu mua lại của chính mình và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình được ghi giảm thặng dư vốn.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu mua lại của chính mình và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu mua lại của chính mình được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn”.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.243.363.829	1.041.658.656
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.245.105.764	27.858.836.373
Tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	7.650.000.000	-
Cộng	26.138.469.593	28.900.495.029

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	579.143.882.026	579.143.882.026	601.746.094.366	601.746.094.366
Cho vay ngắn hạn	124.755.500	124.755.500	203.855.500	203.855.500
Cộng	579.268.637.526	579.268.637.526	601.949.949.866	601.949.949.866

Khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị 331.913.882.026 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited, Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORN và Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam (Xem thuyết minh V.22a).

Khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị 30.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản mở thư tín dụng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	966.000.000.000	-	967.500.000.000	(1.328.342.034)
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương ⁽ⁱ⁾	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú ⁽ⁱⁱ⁾	540.000.000.000	-	540.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar ⁽ⁱⁱⁱ⁾	180.000.000.000	-	180.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar ^(iv)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar ^(v)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu Cơ Nam Việt ^(vi)	-	-	1.500.000.000	(1.328.342.034)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV CBTATS Nam Việt ^(vii)	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	69.240.000.000	(7.579.068.687)	69.240.000.000	(7.579.068.687)
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt ^(viii)	69.240.000.000	(7.579.068.687)	69.240.000.000	(7.579.068.687)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.304.000.000	(13.363.460.975)	20.304.000.000	(13.363.460.975)
Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(13.363.460.975)	20.304.000.000	(13.363.460.975)
Cộng	1.055.544.000.000	(20.942.529.662)	1.057.044.000.000	(22.270.871.696)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5704000012 đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 13 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602085059 đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 20 tháng 6 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú 540.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602123547 đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 21 tháng 01 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar 180.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602125914 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 11 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602125939 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 11 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602127710 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 12 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Phân Bón Hữu Cơ Nam Việt 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong quý 01/2026, Công ty TNHH MTV Phân Bón Hữu Cơ Nam Việt đã thông báo giải thể.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801723877 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 02 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Chế Biến Thức Ăn Thủy Sản Nam Việt 200.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801666883 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 22 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt 69.240.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh

Ngoài Công ty TNHH MTV Phân Bón Hữu Cơ Nam Việt (công ty con) đã thông báo giải thể, các công ty con khác và công ty liên doanh đang hoạt động kinh doanh bình thường.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	22.270.871.696	22.456.027.894
Hoàn nhập/trích lập dự phòng bổ sung	-	(185.156.198)
Xóa sổ dự phòng do thanh lý, chuyển nhượng đầu tư	(1.328.342.034)	-
Số cuối kỳ	20.942.529.662	22.270.871.696

Giao dịch với các công ty con, công ty liên doanh

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên doanh như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương		
Bán thành phẩm, bao bì	125.264.798.031	200.729.323.935
Bán nguyên vật liệu	17.685.300	32.422.778
Dịch vụ ủy thác	10.000.000	-
Chi phí gia công	103.002.761.584	-
Mua vật tư, nguyên liệu	119.434.269	58.864.352.060
Phí cơ sở hạ tầng, phí xử lý nước thải	-	371.895.629
Mua điện	665.733.615	3.752.967.101
Thuê tài sản hoạt động	3.720.000.000	7.335.000.000
Nhờ chi hộ	28.754.222	-
Chi hộ - ủy thác	642.838.714	566.122.331
Công ty TNHH MTV NTTS Nam Việt Bình Phú		
Bán nguyên liệu	723.425.870	160.804.661
Bán thành phẩm	89.562.000	30.964.380
Mua nguyên vật liệu	98.676.611.170	176.666.167.976
Mua vật tư	514.264.354	-
Thu hộ	29.059.800	1.025.782.105
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar		
Doanh thu cho thuê	19.500.000	19.500.000
Mua điện	3.723.500.820	2.898.685.219
Mua vật tư, nguyên liệu	1.664.804	4.138.498
Chi hộ	113.770.599	-
Lợi nhuận được chia	6.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar		
Doanh thu cho thuê	19.500.000	19.500.000
Mua điện	1.323.019.865	309.826.050
Lợi nhuận được chia	-	400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar		
Doanh thu cho thuê	19.500.000	19.500.000
Mua điện	1.765.084.600	1.049.204.152
Công ty TNHH MTV Phân Bón Hữu Cơ Nam Việt		
Nhận lại vốn góp	170.604.106	-
Lãi vay	-	44.376.165
Công ty TNHH MTV Chế Biến TATS Nam Việt		
Bán thành phẩm	78.436.077.000	34.972.526.000
Bán điện mặt trời	7.935.850	7.864.423
Doanh thu cho thuê	2.754.450.000	2.754.450.000
Bán nguyên vật liệu	1.979.810	88.192.595
Dịch vụ ủy thác	35.000.000	-
Phí sử dụng hạ tầng	-	43.047.531
Mua thức ăn	430.509.090.000	506.547.440.000
Mua vật tư, nguyên liệu	-	3.515.748.321
Mua hơi	7.040.180.400	-
Chi hộ - ủy thác	29.364.819.343	1.221.837.960
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt		
Doanh thu cho thuê	28.935.186	28.935.186
Doanh thu bán thành phẩm	8.838.681.184	4.807.819.600
Mua nguyên liệu	1.168.408.078	624.036.712
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	141.936.544.230	136.657.263.358
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	70.193.332.290	89.052.799.320
Công ty TNHH MTV CBTATS Nam Việt	62.687.368.151	41.315.172.464
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	8.396.404.397	5.562.031.494
Công ty TNHH MTV NTTTS Nam Việt Bình Phú	659.439.392	727.260.080
Phải thu các khách hàng khác	996.848.587.220	884.236.853.866
Các khách hàng nước ngoài	915.134.994.617	791.679.524.837
Các khách hàng trong nước	81.713.592.603	92.557.329.029
Cộng	1.138.785.131.450	1.020.894.117.224
<p>Khoản phải thu có giá trị 180.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (Xem thuyết minh V.22a).</p>		
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	133.316.708.756	301.815.540.420
Công ty TNHH MTV CBTATS Nam Việt	104.048.770.173	255.823.459.740
Công ty TNHH MTV NTTTS Nam Việt Bình Phú	10.299.975.168	5.160.207.221
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	-	20.186.556.190
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	9.242.493.859	10.122.117.808
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	9.725.469.556	10.523.199.461

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các người bán khác	194.481.691.999	183.384.644.059
Các nhà cung cấp nước ngoài	2.974.972.974	10.174.905.202
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	139.112.344.481	113.637.465.169
Các nhà cung cấp trong nước khác	52.394.374.544	59.572.273.688
Cộng	327.798.400.755	485.200.184.479

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	29.367.196.407	-	2.490.770	-
Công ty TNHH MTV CBTATS Nam Việt - chi hộ	29.364.819.343	-	-	-
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar - Chi hộ	2.377.064	-	2.490.770	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	43.760.675.241	(870.633.550)	28.405.836.118	(870.633.550)
Tạm ứng	2.188.259.066	-	3.929.758.258	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	11.915.749.730	-	4.912.538.690	-
Tiền lãi cho vay	489.205	-	9.589.458	-
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.660.695.000	-	4.031.191.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	27.995.482.240	(870.633.550)	15.522.758.712	(870.633.550)
Cộng	73.127.871.648	(870.633.550)	28.408.326.888	(870.633.550)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	6.745.435.000	-	6.745.435.000	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	-	-	-
Cộng	6.745.435.000	-	6.745.435.000	-

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Phải thu tiền bán hàng		39.442.473.101		39.442.473.101
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	7.608.900.000	3.804.450.000	7.608.900.000	3.804.450.000
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	462.588.234	138.776.470	462.588.234	138.776.470
Quá hạn trên 03 năm	31.370.984.867	-	31.370.984.867	-
Phải thu khác		870.633.550		870.633.550
Quá hạn trên 03 năm	870.633.550	-	870.633.550	-
Cộng		40.313.106.651		40.313.106.651

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	36.369.880.181	43.592.146.762
Hoàn nhập/trích lập dự phòng	-	(5.333.750.913)
Xóa nợ	-	(1.888.515.668)
Số cuối kỳ	<u>36.369.880.181</u>	<u>36.369.880.181</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi đường	1.156.364.000	-	1.634.039.600	-
Hàng hóa	24.693.775	-	5.853.775	-
Nguyên liệu, vật liệu	607.624.459.237	-	457.989.693.514	-
Công cụ, dụng cụ	3.614.742.999	-	3.241.123.878	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.614.451.268	-	1.908.467.370	-
Thành phẩm	559.578.689.874	(16.082.194.794)	518.566.278.313	(16.082.194.794)
Hàng gửi đi bán	4.806.955.849	-	-	-
Cộng	<u>1.178.420.357.002</u>	<u>(16.082.194.794)</u>	<u>983.345.456.450</u>	<u>(16.082.194.794)</u>

Hàng tồn kho có trị giá 235.236.069.515 VND (số đầu năm là 243.816.319.587 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội (Xem thuyết minh V.22a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	16.082.194.794	29.863.478.771
Hoàn nhập/trích lập dự phòng	-	(13.781.283.977)
Số cuối kỳ	<u>16.082.194.794</u>	<u>16.082.194.794</u>

8. Chi phí chờ phân bổ**8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	440.000.001	-
Công cụ, dụng cụ	3.071.191.993	3.735.748.754
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	17.740.297.762	17.007.548.005
Cộng	<u>21.251.489.756</u>	<u>20.743.296.759</u>

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	23.594.468.769	23.823.142.747
Chi phí sửa chữa	6.860.667.295	6.565.219.675
Công cụ, dụng cụ	5.056.448.832	4.118.574.408
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	5.992.255.453	5.369.202.157
Cộng	<u>41.503.840.349</u>	<u>39.876.138.987</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị 11.695.930.539 VNĐ (số đầu năm 11.661.101.139 VNĐ) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam và đảm bảo cho khoản mở thư tín dụng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Xem thuyết minh V.22a).

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	110.587.346.732	354.137.890.607	49.709.447.686	12.156.047.579	44.266.835.770	570.857.568.374
Mua trong kỳ	-	13.907.483.036	1.256.702.300	123.000.000	-	15.287.185.336
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	673.907.498	-	-	-	-	673.907.498
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	15.355.319.997	495.833.334	-	-	15.851.153.331
Thanh lý, nhượng bán	-	(585.589.960)	-	-	-	(585.589.960)
Số cuối kỳ	111.261.254.230	382.815.103.680	51.461.983.320	12.279.047.579	44.266.835.770	602.084.224.579
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	93.065.923.285	223.029.540.809	25.542.941.212	4.746.660.509	20.550.285.045	366.935.350.860
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	105.084.749.630	260.314.926.808	32.273.832.983	6.825.128.949	37.620.597.769	442.119.236.139
Khấu hao trong kỳ	305.825.713	5.627.978.144	1.104.700.710	385.733.987	604.950.566	8.029.189.120
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	10.128.843.266	177.083.327	-	-	10.305.926.593
Thanh lý, nhượng bán	-	(585.589.960)	-	-	-	(585.589.960)
Số cuối kỳ	105.390.575.343	275.486.158.258	33.555.617.020	7.210.862.936	38.225.548.335	459.868.761.892
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	5.502.597.102	93.822.963.799	17.435.614.703	5.330.918.630	6.646.238.001	128.738.332.235
Số cuối kỳ	5.870.678.887	107.328.945.422	17.906.366.300	5.068.184.643	6.041.287.435	142.215.462.687
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.689.661.019	71.088.475.152	103.778.136.171
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(15.355.319.997)	(495.833.334)	(15.851.153.331)
Số cuối kỳ	17.334.341.022	70.592.641.818	87.926.982.840
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	15.444.976.739	13.719.568.181	29.164.544.920
Khấu hao trong kỳ	958.066.689	2.982.422.740	3.940.489.429
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(10.128.843.266)	(177.083.327)	(10.305.926.593)
Số cuối kỳ	6.274.200.162	16.524.907.594	22.799.107.756
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	17.244.684.280	57.368.906.971	74.613.591.251
Số cuối kỳ	11.060.140.860	54.067.734.224	65.127.875.084

12. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	374.954.031.868	280.991.000	375.235.022.868
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-
Số cuối kỳ	374.954.031.868	280.991.000	375.235.022.868
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.204.952.117	280.991.000	2.485.943.117
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	41.037.417.436	280.991.000	41.318.408.436
Khấu hao trong kỳ	1.437.090.766	-	1.437.090.766
Số cuối kỳ	42.474.508.202	280.991.000	42.755.499.202
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	333.916.614.432	-	333.916.614.432
Số cuối kỳ	332.479.523.666	-	332.479.523.666
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 193.413.232.993 VND (số đầu năm 93.201.995.356 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (Xem thuyết minh V.22a).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Tài sản sinh học**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện được	Giá gốc	Dự phòng
Cá thịt	26.586.571.110	-	59.221.019.569	-
Cộng	26.586.571.110	-	59.221.019.569	-

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí	Kết chuyển	Kết chuyển	Số cuối kỳ
		phát sinh trong kỳ	vào TSCĐ trong kỳ	giảm khác	
Mua sắm tài sản cố định	111.744.927.636	10.510.575.000	(12.713.068.136)	-	109.542.434.500
Xây dựng cơ bản dở dang	231.447.371.444	3.254.215.653	(673.907.498)	-	234.027.679.599
<i>Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất</i>	<i>209.428.754.654</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>209.428.754.654</i>
<i>Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản</i>	<i>15.978.986.090</i>	<i>2.448.283.297</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>18.427.269.387</i>
Nhà máy đông lạnh thủy sản	5.775.041.676	710.562.414	(673.907.498)	-	5.811.696.592
Các hạng mục khác	264.589.024	95.369.942	-	-	359.958.966
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3.849.933.633	609.150.771	-	(1.714.706.524)	2.744.377.880
Cộng	347.042.232.713	14.373.941.424	(13.386.975.634)	(1.714.706.524)	346.314.491.979

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	15.224.183.836	11.350.162.845
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	267.172.915	219.337.269
Công ty TNHH Đại Tây Dương	13.463.688.136	11.130.825.576
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	1.493.322.785	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	215.649.530.379	200.627.850.925
Các nhà cung cấp trong nước	167.410.424.237	166.998.301.733
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	36.460.921.145	23.479.394.639
Các nhà cung cấp nước ngoài	11.778.184.997	10.150.154.553
Cộng	230.873.714.215	211.978.013.770

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	4.788.322.269	10.286.614.843
Các khách hàng nước ngoài	17.104.165.064	16.785.293.199
Cộng	21.892.487.333	27.071.908.042

17. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cổ tức	2.262.332.899	2.300.332.899
Cộng	2.262.332.899	2.300.332.899

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu			Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	458.744.464	(458.744.464)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	45.678.930	(45.678.930)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	106.329.284.463	-	34.638.630.546	(107.212.341.156)	33.755.573.853	-
Thuế thu nhập cá nhân	345.044.944	-	531.794.382	(833.095.166)	43.744.160	-
Thuế tài nguyên	3.667.600	-	11.442.264	(11.469.160)	3.640.704	-
Phí, lệ phí	7.860.000	-	-	(7.860.000)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	2.889.260	(2.889.260)	-	-
Cộng	106.685.857.007	-	35.689.179.846	(108.572.078.136)	33.802.958.717	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu 0%
- Cá nguyên liệu - Công ty tự nuôi bán tổ chức, cá nhân Không chịu thuế
- Cá nguyên liệu - Công ty mua ngoài bán cá nhân 5%
- Cá nguyên liệu - Công ty mua ngoài bán tổ chức Không kê khai nộp thuế
- Sản phẩm dịch vụ khác 8-10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Nghị định 320/2025/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 15 tháng 12 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 thì thu nhập từ hoạt động chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 15% kể từ kỳ tính thuế năm 2025.

Theo Công văn số 1534/BTC-CST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2020 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập từ hoạt động này.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	217.645.017.369	58.036.595.940
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.543.954.325	2.546.136.993
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(19.682.326.712)
Thu nhập chịu thuế	222.188.971.694	40.900.406.221
Thu nhập được miễn thuế	(6.000.000.000)	(2.400.000.000)
Lỗi năm trước được chuyển	-	(38.500.406.221)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập tính thuế	216.188.971.694	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)</i>	1.090.956.472	-
<i>Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)</i>	186.371.540.279	-
<i>Thu nhập không được hưởng ưu đãi</i>	28.726.474.943	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	33.810.121.677	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(54.547.824)	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các kỳ trước	883.056.693	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	34.638.630.546	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 5.000 VND/m³x8%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định

19. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả nhân viên.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	-	2.610.684.595
Chi phí cước tàu	1.097.373.695	2.140.757.320
Chi phí hoa hồng môi giới	7.067.174.301	13.050.774.782
Chi phí kiểm nghiệm	-	480.464.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.426.376.411	2.623.783.190
Cộng	12.590.924.407	20.906.463.887

21. Phải trả khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và Kinh phí công đoàn	5.662.363.386	4.876.111.248
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	626.530.000	626.530.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.120.625.104	4.390.165.245
Cộng	10.409.518.490	9.892.806.493

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Vay và nợ thuê tài chính

22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.517.659.961.665	1.452.053.033.691
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(a)	331.514.181.527	483.453.594.843
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(b)	455.441.539.958	399.309.034.549
Vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam ^(c)	64.951.442.500	65.263.746.000
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội	-	182.521.800.218
Vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ^(d)	119.293.433.700	83.743.892.500
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ^(e)	103.932.645.603	92.573.115.975
Vay Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited ^(f)	152.106.177.553	134.718.296.606
Vay Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) ^(g)	91.183.771.297	10.469.553.000
Vay Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORBANK – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	119.497.404.400	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	14.571.860.618	20.191.440.569
Cộng	<u>1.532.231.822.283</u>	<u>1.472.244.474.260</u>

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12) và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7) của Công ty.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.12).
- (c) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.9).
- (d) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a), bảo lãnh cá nhân của Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và Ông Doãn Chí Thiên – Phó Tổng Giám đốc Công ty.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a), khoản phải thu của Công ty (xem thuyết minh số V.3) và quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.12).
- (f) Khoản vay Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a) và bảo lãnh cá nhân của Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- (g) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (h) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (xem thuyết minh số V.2a).
- (i) Khoản vay Ngân hàng Đại Chúng TNHH Kasikorn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.452.053.033.691	1.055.471.612.685	(989.864.684.711)	1.517.659.961.665
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	20.191.440.569	-	(5.619.579.951)	14.571.860.618
Cộng	1.472.244.474.260	1.055.471.612.685	(995.484.264.662)	1.532.231.822.283

22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱ⁾	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	31.300.733.025	31.300.733.025
<i>Thuê tài chính Công ty Cho Thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust để mua máy móc thiết bị</i>	1.503.000.000	1.503.000.000
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận tải</i>	17.660.342.232	17.660.342.232
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận tải</i>	12.137.390.793	12.137.390.793
Cộng	31.450.733.025	31.450.733.025

- (i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	150.000.000	-
Nợ thuê tài chính	45.872.593.643	14.571.860.618	31.300.733.025	-
Cộng	46.022.593.643	14.571.860.618	31.450.733.025	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	150.000.000	-
Nợ thuê tài chính	51.492.173.594	20.191.440.569	31.300.733.025	-
Cộng	51.642.173.594	20.191.440.569	31.450.733.025	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	-	-	150.000.000
Nợ thuê tài chính	31.300.733.025	-	-	-	31.300.733.025
Cộng	31.450.733.025	-	-	-	31.450.733.025

22c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	143.105.818	-	(57.000.000)	86.105.818
Cộng	306.736.978	-	(57.000.000)	249.736.978

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Doãn Tới	1.466.100.000.000	1.466.100.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	295.288.000.000	295.288.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	11.419.980.000	1.419.980.000
Các cổ đông khác	889.749.520.000	899.749.520.000
Cộng	2.662.557.500.000	2.662.557.500.000

24c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	266.667.500	266.667.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	266.667.500	266.667.500
- Cổ phiếu phổ thông	266.667.500	266.667.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	266.255.750	266.255.750
- Cổ phiếu phổ thông	266.255.750	266.255.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

25. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

25a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	246.987,11	558.186,19
Euro (EUR)	2.428,69	2.430,82
Dollar Úc (AUD)	6.509,78	153,16
Rub Nga (RUB)	1.299,59	1.629,59

25b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	9.718.204,85	188.573.717.763	9.718.204,85	188.573.717.763
Khách hàng trong nước		23.667.721.777		23.667.721.777
Cộng		212.241.439.540		212.241.439.540

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I-2026	Quý I-2025
Doanh thu bán thành phẩm	1.746.882.949.260	1.117.868.770.337
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	1.479.598.185	1.642.962.991
Doanh thu khác	30.959.521.443	5.654.037.832
Cộng	1.779.322.068.888	1.125.165.771.160

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý I-2026	Quý I-2025
Hàng bán bị trả lại	811.200.667	2.545.546.600
Giảm giá hàng bán	1.833.546.194	190.610.985
Cộng	2.644.746.861	2.736.157.585

3. Giá vốn hàng bán

	Quý I-2026	Quý I-2025
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.470.695.282.881	1.000.141.426.811
Giá vốn của điện năng lượng mặt trời	370.017.194	361.854.138
Giá vốn khác	20.901.795.247	2.278.216.069
Cộng	1.491.967.095.322	1.002.781.497.018

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I-2026	Quý I-2025
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	10.639.512.074	714.141.210
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.459.748	3.066.021
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.000.000.000	2.400.000.000
Lãi tiền cho vay	2.737.314	14.470.062
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.764.023.781	1.984.201.677
Lãi bán hàng trả chậm	5.586.107.817	1.502.241.479
Doanh thu hoạt động tài chính khác	164.759.428	-
Cộng	25.160.600.162	6.618.120.449

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	<u>Quý I-2026</u>	<u>Quý I-2026</u>
Chi phí lãi vay	16.147.663.832	11.906.461.536
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.849.037.424	1.547.313.615
Hoàn nhập/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(260.249.153)
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	1.053.860	-
Chi phí tài chính khác	13.888.889	6.450.000
Cộng	<u>20.011.644.005</u>	<u>13.199.975.998</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý I-2026</u>	<u>Quý I-2025</u>
Chi phí cho nhân viên	1.861.240.741	1.823.591.742
Chi phí vật liệu, bao bì	82.904.049	74.947.632
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	568.917.171	135.856.941
Chi phí hoa hồng	4.586.822.024	5.808.208.143
Chi phí vận chuyển	27.860.768.468	22.672.833.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.682.500.918	11.321.649.411
Các chi phí khác	1.260.695.576	335.017.058
Cộng	<u>57.903.848.947</u>	<u>42.172.104.311</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý I-2026</u>	<u>Quý I-2025</u>
Chi phí cho nhân viên	7.342.027.687	7.745.142.127
Chi phí vật liệu quản lý	419.095.364	251.262.856
Chi phí đồ dùng văn phòng	217.805.193	74.600.212
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.002.891.956	1.149.968.256
Thuế, phí và lệ phí	1.068.420.799	800.497.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.793.536.441	881.812.766
Các chi phí khác	3.128.612.038	2.678.568.572
Cộng	<u>14.972.389.478</u>	<u>13.581.852.579</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Quý I-2026</u>	<u>Quý I-2025</u>
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	28.314.815	98.076.363
Thu từ bồi thường	151.937.280	97.709.520
Xử lý kiểm kê thừa	-	1.667.000
Xử lý công nợ	790.836	48.076.800
Thu nhập từ hàng khuyến mãi	270.000	-
Thu nhập khác	500.140.792	492.999.484
Cộng	<u>681.453.723</u>	<u>738.529.167</u>

9. Chi phí khác

	<u>Quý I-2026</u>	<u>Quý I-2025</u>
Xử lý công nợ	38	-
Tiền phạt chậm nộp thuế	4.334	256.709
Phạt do vi phạm hành chính	-	8.744.807
Chi phí khác	19.376.419	5.235.829
Cộng	<u>19.380.791</u>	<u>14.237.345</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành quản lý (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát và Ban kiểm toán nội bộ). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên chủ chốt khác		
Tạm ứng	811.690.000	189.175.000

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam và Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) và Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited (xem thuyết minh số V.22a).

Ông Doãn Chí Thiên dùng tài sản cá nhân bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (xem thuyết minh số V.22a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thức Ăn Thủy Sản Nam Việt	Công ty con
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Thuê kho	16.784.420.509	7.415.398.084
Phí sử dụng hạ tầng, xử lý nước thải	178.685.778	105.201.899
Thu hộ	44.001.292	6.041.814.202

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Quý I-2026	Quý I-2025
Xuất khẩu	1.202.337.819.645	648.777.148.615
Trong nước	574.339.502.382	473.652.464.960
Cộng	1.776.677.322.027	1.122.429.613.575

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

2b. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá với tỷ trọng doanh thu chiếm tỷ lệ 98%

Phê duyệt, ngày 22 tháng 04 năm 2026



Nguyễn Hoàng Thế Anh
Người lập biểu



Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh
KT. Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BẢO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	43.816.340.845	2.704.392.920.097
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	58.036.595.940	58.036.595.940
Số dư cuối kỳ trước	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	101.852.936.785	2.762.429.516.037
Số dư đầu năm nay	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	647.007.760.827	3.307.584.340.079
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	183.006.386.823	183.006.386.823
Số dư cuối kỳ này	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	830.014.147.650	3.490.590.726.902

Phê duyệt, ngày 22 tháng 04 năm 2026


Nguyễn Hoàng Thế Anh
 Người lập


Nguyễn Hà Thu Diễm
 Kế toán trưởng




Trần Minh Cảnh
 KT. Người đại diện theo pháp luật